

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN

Số đến.....

Cơ quan ban hành văn bản: le ĐBP tỉnh

Số ký hiệu văn bản: 185 Ngày tháng văn bản: 05/5/2021

Tham mưu ý kiến của Văn phòng      Duyệt Lãnh đạo      Bộ phận/chuyên viên xử lý văn bản

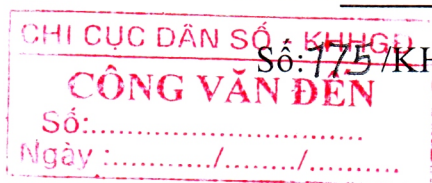
- Tết có đủ rõ kinh tế  
nghĩa cử để thực hiện

lưu

- Phòng DSSK P. P. Đ. H. H.  
- Lưu hồ sơ

- Scan gửi Zalo trực tiếp

Ngày ..... / 20 .....



Số: 7375/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 5 năm 2021

## KẾ HOẠCH

### Hành động thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 của tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Công văn số 7375/BYT-TCDS ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế về triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030, cụ thể như sau:

#### I. MỤC TIÊU

**1. Mục tiêu chung:** Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

#### 2. Chỉ tiêu cụ thể:

a) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030 và giảm 50% số cặp tạo hôn; xóa bỏ tình trạng hôn nhân cận huyết thống ở hai huyện Nam Đông, A Lưới vào năm 2025;

b) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 50% năm 2025; 70% năm 2030;

c) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030;

d) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030;

đ) Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đủ năng lực cung cấp các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030;



e) Phát triển cơ sở sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh có khả năng điều trị một số bệnh, tật bẩm sinh phổ biến;

g) Phối hợp tốt với Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh Trường Đại học Y Dược Huế và Bệnh viện Trung ương Huế hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật cho các cơ sở y tế thực hiện các phương pháp và kỹ thuật tầm soát, chẩn đoán, điều trị các bệnh, tật di truyền – nội tiết – chuyển hóa trước khi kết hôn, tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

## **II. THỜI GIAN, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG**

**1. Thời gian:** Từ năm 2021 đến năm 2030.

a) Giai đoạn từ năm 2021-2025: Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động của chương trình.

b) Giai đoạn từ năm 2026-2030: Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021-2025, xây dựng các hoạt động phù hợp trong giai đoạn 2026-2030.

c) Hàng năm đánh giá sơ kết các hoạt động trong năm và phổ biến triển khai các hoạt động năm tiếp theo.

**2. Phạm vi:** Thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh.

**3. Đối tượng:**

a) Đối tượng thụ hưởng: Vị thành niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh;

b) Đối tượng tác động: Người dân trong toàn xã hội, ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, dân số, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật:**

a) Về cơ chế, chính sách:

- Ban hành văn bản, kế hoạch, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện chương trình (theo hướng dẫn của Trung ương); thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện, có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn.

- Rà soát, bổ sung chính sách cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại xã đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; vùng nhiễm chất độc dioxin được sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của chương trình.

- Rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ cho các đối tượng là cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản khi đi tư vấn, vận động đối tượng sử dụng các gói dịch vụ cơ bản (nếu có theo hướng dẫn của Trung ương).

- Xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đối với tổ chức, cá nhân khi tham gia tư vấn và cung cấp các dịch vụ của Chương trình (theo hướng dẫn của Trung ương).

- Ban hành các quy định về giá dịch vụ, hướng dẫn, chỉ đạo để đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh (theo văn bản hướng dẫn của Trung ương).

b) Về chuyên môn kỹ thuật: (Thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trung ương).

- Ban hành danh mục các bệnh, tật thuộc gói dịch vụ cơ bản như dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

- Ban hành danh mục mở rộng các bệnh, tật ngoài gói dịch vụ cơ bản phù hợp với trình độ phát triển của khoa học công nghệ, chuyên môn kỹ thuật.

- Rà soát, bổ sung, ban hành quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; bộ công cụ giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ và trang thiết bị, dụng cụ, sinh phẩm y tế,...

## **2. Tuyên truyền vận động và huy động xã hội:**

a) Cung cấp thông tin về các hoạt động của Chương trình tới chính quyền các cấp. Tuyên truyền, vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện Chương trình. Lồng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, nhằm tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội về việc chuyển hướng chính sách dân số từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông như Đài Truyền hình Việt Nam tại Huế (VTV8), Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (TRT), Báo Thừa Thiên Huế, Khoa Truyền thông Giáo dục thuộc Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh tăng cường phát sóng, đăng tải các tin, bài, phóng sự,... về mục đích, ý nghĩa, các nội dung, kết quả triển khai thực hiện Chương trình, các thông tin về sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh, các bệnh, tật ở thai nhi và sơ sinh, các thông tin triển khai các hoạt động của Chương trình, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; các nội dung liên quan đến tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho thanh niên nam, nữ,...

- Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, website của các ngành, ... đồng thời tận dụng mạng xã hội trong hoạt động quảng bá, cung cấp thông tin, tuyên truyền cho các nhóm đối tượng.



b) Phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết. Phối hợp với bộ đội biên phòng ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, biên giới, đầm phá, ven biển tham gia giải quyết tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- Tổ chức các hội nghị, nói chuyện chuyên đề, tư vấn cộng đồng,... cho cấp ủy đảng, lãnh đạo chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội và lãnh đạo cộng đồng nhằm nâng cao sự kiến thức và ủng hộ Chương trình.

- Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tư vấn cộng đồng,... cho nhân dân và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (đặc biệt là phụ nữ có thai) và phụ nữ sắp kết hôn tại thôn, bản, tổ dân phố; triển khai việc lồng ghép tuyên truyền, phổ biến những giá trị, lợi ích của việc thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tham gia thực hiện khám tầm soát phát hiện sớm nguy cơ, phòng ngừa di truyền các bệnh nguy hiểm ở thai nhi và trẻ em vào trong các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

- Lồng ghép nội dung sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh với các hoạt động văn hóa xã hội tại cơ sở. Định kỳ tổ chức các hoạt động truyền thông, sự kiện như ngày Dân số Việt Nam 26/12; ngày Dân số Thế giới 11/7; tháng hành động Quốc gia về Dân số (tháng 12);...

- Xây dựng chương trình và tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền tại thôn, bản, tổ dân phố, nơi tập trung đông dân cư và tại các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh (theo văn bản hướng dẫn của Trung ương).

- Tiếp tục duy trì, củng cố, xây dựng mới các Câu lạc bộ Tiền hôn nhân;... để cung cấp, phổ biến các thông tin, kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên; luật hôn nhân gia đình; sự cần thiết và lợi ích của các hoạt động tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh...

c) Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật bẩm sinh.

### **3. Phát triển mạng lưới dịch vụ:**

a) Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

b) Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới sàng lọc trước sinh, sơ sinh. Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tuyến cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh, ưu tiên các địa bàn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, đầm phá, ven biển và vùng nhiễm chất độc dioxin.



c) Đào tạo liên tục cho cán bộ y tế - dân số tuyến tỉnh, huyện, xã; nhân viên y tế thôn, bản; người cung cấp dịch vụ bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

- Tổ chức tập huấn kỹ năng truyền thông, tư vấn cho cán bộ làm công tác tuyên truyền, vận động, tư vấn, quản lý đối tượng tham gia sàng lọc trước sinh và sơ sinh tuyến huyện, xã.

- Tham gia đào tạo, tập huấn do trung ương tổ chức; tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh cho cán bộ tuyến tỉnh, huyện, xã.

- Xây dựng tiêu chuẩn, lập danh sách cán bộ tham gia chương trình trên cơ sở có cam kết hoạt động cho chương trình sau khi tham gia các lớp tập huấn về sàng lọc trước sinh và sơ sinh (theo hướng dẫn của Trung ương).

d) Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại tuyến xã; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ. Giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

đ) Tổ chức cung cấp dịch vụ

- Huy động các đơn vị y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở tham gia Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh

- Quản lý thai sản và trẻ mới sinh: Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố, Trạm y tế xã, phường, thị trấn rà soát, tổng hợp số liệu theo dõi, quản lý dân cư, thai sản, trẻ mới sinh,... và phân công cán bộ phụ trách theo dõi báo cáo hoạt động sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hóa chương trình sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện công văn số 1865/SYT- NVY ngày 13/7/2020 của Sở Y tế “về việc triển khai xã hội hóa chương trình sàng lọc sơ sinh” tại địa phương.

**4. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới:** Nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng kỹ thuật mới trong tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật để bổ sung danh mục bệnh tầm soát trước khi kết hôn, trước sinh và sơ sinh (theo văn bản hướng dẫn của Trung ương).

## **5. Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế:**

- Phối hợp đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân tham gia thực hiện Chương trình; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.

- Tranh thủ các nguồn lực, tài trợ từ Trung ương đến địa phương để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chương trình; tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo, trao đổi chuyên gia, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.



#### IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện chương trình do ngân sách địa phương đảm bảo theo khả năng cân đối ngân sách trong dự toán hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10/8/2020).

2. Ngân sách Trung ương và các nguồn xã hội hóa khác.

#### V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

##### 1. Sở Y tế

- Chủ trì triển khai các nội dung của Kế hoạch đã được phê duyệt.
- Phối hợp với sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện.
- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.
- Chỉ đạo Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình xây dựng kế hoạch, tổ chức quản lý, điều hành triển khai có hiệu quả các hoạt động của Kế hoạch.
- Kiểm tra, đánh giá, tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế (Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) theo quy định.

**2. Bệnh viện Trung ương Huế và Trường Đại học Y Dược Huế:** phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyên truyền, thực hiện dịch vụ kỹ thuật và công tác thống kê báo cáo số liệu sàng lọc trước sinh và sơ sinh hàng năm và gửi báo cáo về Sở Y tế (Chi cục DS-KHHGĐ) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế (Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) theo quy định.

**3. Sở Khoa học và Công nghệ:** Phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật mới trong việc sàng lọc, chẩn đoán và điều trị bệnh, tật trước khi kết hôn, trước sinh, sơ sinh.

**4. Ban Dân tộc:** Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và sở, ngành liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án về giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**5. Sở Tư pháp:** Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện chính sách về hôn nhân, gia đình liên quan đến tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

**6. Sở Văn hóa và Thể thao:** Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện các chính sách về văn hóa, thể dục, thể thao góp phần nâng cao chất lượng dân số.

**7. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh, sinh viên, nhất là trong các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, bảo đảm hình thành kiến thức và kỹ năng đúng đắn có hệ thống cho thế hệ trẻ.

**8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thực hiện chính sách liên quan đến tầm soát, chẩn đoán và điều trị bệnh, tật trước khi kết hôn, trước sinh, sơ sinh cho các đối tượng ưu tiên theo quy định nếu có.

**9. Sở Tài chính:** Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí trong dự toán hằng năm cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

**10. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu, tổng hợp các dự án đầu tư công về Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; huy động các nguồn vốn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước thực hiện Kế hoạch theo quy định.

**11. Các sở, ngành liên quan:** Phối hợp Sở Y tế, ngành liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

## **12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế:**

- Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền Nghị quyết, quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo; bố trí kinh phí thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương trong dự toán ngân sách hằng năm đã được phân cấp theo quy định.

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của Kế hoạch này để chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án khác có liên quan trên địa bàn.



**13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức của Mặt trận** trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện Chương trình.

Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình để triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có đề xuất, kiến nghị, các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở Y tế (Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh) để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế (để báo cáo) ;
- Tổng cục DS-KHHGĐ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh;
- Các đơn vị có tên tại mục V;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, VH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Bình**